

QUÁ TRÌNH “ BÌNH THƯỜNG HÓA ” CỦA NHẬT BẢN

HOÀNG THỊ VINH QUYÊN*
NGUYỄN BÌNH GIANG**

Giới thiệu

Đầu thập niên 1990, một số chính trị gia và học giả Nhật Bản bắt đầu lên tiếng kêu gọi đưa Nhật Bản trở lại thành một quốc gia “bình thường”. Liên tục nhiều đời thủ tướng Nhật Bản sau đó đã cố gắng thực hiện ý tưởng này. Tuy nhiên, những cố gắng “bình thường hóa” đã được Nhật Bản triển khai dưới những hình thức khác nhau từ trước đó rất lâu. Bài viết này có mục đích giới thiệu về ý tưởng “bình thường hóa” của Nhật Bản, những nhân tố tác động tới ý tưởng này và những hoạt động của Nhật Bản để hiện thực hóa nó.

I. Tính chất “bất bình thường” của Nhật Bản

1. Hiến pháp “hòa bình”

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản vì sai lầm trong quốc sách xâm lược và thực dân thuộc địa, đã gây ra nỗi đau và tổn thất to lớn cho nhiều dân tộc, trong đó có nhân dân của các quốc gia Châu Á. Cái giá phải trả của đường lối phát xít không chỉ là đất nước bị tàn phá nặng nề, bị chiếm đóng, mà còn là đánh mất thiện cảm của các dân tộc khác và phải chấp nhận một hiến pháp do nước ngoài quyết định ngoài ý muốn của mình. Hiến pháp 1946 của Nhật Bản do Mỹ soạn thảo được nhiều người gọi là bản Hiến

pháp “hòa bình” bởi lẽ nó có hẳn một chương gồm một điều khoản (Chương II, Điều 9) ở đó Nhật Bản tuyên bố quốc dân Nhật Bản sẽ theo đuổi “ba không” gồm: (i) vĩnh viễn không theo đuổi chiến tranh như phương tiện để giải quyết mâu thuẫn quốc tế; (ii) không duy trì tiềm lực chiến tranh, cả hải, lục, không quân, và (iii) từ bỏ quyền được tham chiến.

Rõ ràng, điều này đã hạn chế đáng kể quyền tự chủ và chủ động của Nhật Bản nếu so với các quốc gia khác. Hiện bản hiến pháp này chưa trải qua bất kì sự chỉnh sửa nào kể từ khi được thông qua, và nhiều người Nhật cảm thấy đây là một thiệt thòi vô cùng lớn và Nhật Bản không “bình thường” như nhiều quốc gia khác.

Có thể nói, nước Nhật sau chiến tranh là một cường quốc kinh tế nhưng lại phải chịu sự ràng buộc về quân sự, rất muốn mở rộng ảnh hưởng, đóng vai trò tích cực hơn đối với hòa bình khu vực tuân theo quy luật chung, tuy nhiên, từ lâu nay nói đến trường hợp Nhật Bản giới học giả thường gọi đây là một quốc gia “không bình thường”, và Nhật Bản trong hơn 60 năm qua luôn nỗ lực không ngừng để giải quyết sự “không bình thường” đó.

2. Đường lối Yoshida

Yoshida Shigeru (1878-1967) là Bộ trưởng Ngoại giao và Thủ tướng Nhật Bản các nhiệm kỳ 45, 48, 49, 50 và 51 vào những

* Thạc sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

** Tiến sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

năm đầu sau chiến tranh. Ông đã đề xướng và thực hiện một đường lối kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự đặc biệt, được nhiều người gọi là Đường lối Yoshida (hay Học thuyết Yoshida, Chủ thuyết Yoshida). Đường lối này được củng cố, phát triển vào những năm 1960 dưới thời các chính phủ Ikeda Hayato và Sato Eisaku. Đường lối này có ba điểm chủ đạo:

Một là, về ngoại giao, Nhật Bản đã coi mình là thành viên của phương Tây, nghĩa là đi với Mỹ, coi đó là nền tảng của ngoại giao.

Hai là, về quân sự, dựa vào Mỹ để đảm bảo an ninh quốc phòng, hạn chế đến tối thiểu việc xây dựng lực lượng phòng vệ của riêng mình.

Ba là, về kinh tế, xem phát triển kinh tế là ưu tiên quốc gia quan trọng nhất, đặt phát triển kinh tế lên trên quân sự và ngoại giao, lấy ngoại giao phục vụ kinh tế (chính sách ngoại giao kinh tế), hạn chế chi tiêu cho quân sự để dồn nguồn lực cho phát triển kinh tế.

Sự thụ động của Nhật Bản thời hậu chiến là do kết quả của những vết thương lòng trong chiến tranh, của sự đầu hàng vô điều kiện, của lòng mong muốn hoà bình của người dân, của sự dị ứng đối với vũ khí hạt nhân và bởi những hạn chế do bị áp đặt một Hiến pháp hoà bình. Rõ ràng những nhân tố này đã thiết lập nên những ranh giới ràng buộc phạm vi hoạt động của những nhà lãnh đạo Nhật Bản thời hậu chiến.

Trong an ninh phòng thủ, Nhật Bản nhất quán quan điểm:

Thứ nhất, chỉ sử dụng sức mạnh quân đội ở mức tối thiểu để tự vệ, không sở hữu vũ khí tấn công đe dọa nước khác. Quả thực,

Nhật Bản đã không sử dụng sức mạnh quân đội từ sau khi chiến tranh kết thúc. Nhật Bản duy trì ngân sách phòng thủ chỉ vào khoảng 1% GDP và minh bạch trong chính sách và lực lượng an ninh phòng thủ. Nhật Bản chủ trương không sở hữu, không sản xuất, không cho phép đem vũ khí hạt nhân vào Nhật Bản (Ba nguyên tắc không hạt nhân).

Thứ hai, kiên trì thể chế phòng thủ an ninh Mỹ - Nhật. Điều này không thể thiếu trong việc bảo đảm an ninh và ổn định của khu vực.

Đi theo đường lối Yoshida, Nhật Bản đã dựa vào sự bảo trợ an ninh của Mỹ, duy trì lực lượng quân đội thấp nhất có thể và tập trung xây dựng kinh tế, khoa học và công nghệ. Vì là đồng minh với Mỹ, Nhật Bản đã đạt được toàn bộ các mục tiêu chiến lược của mình sau cuộc chiến tranh Thái Bình Dương. Năm 1951, việc Nhật Bản và Mỹ kí kết “Hiệp ước San Fransisco” và tiếp đó là “Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ” đã đánh dấu sự quay trở lại xã hội quốc tế của Nhật Bản đồng thời cũng biến Nhật Bản thành căn cứ quân sự của Mỹ ở Châu Á, kể từ đó trở đi Mỹ luôn là đồng minh số một của Nhật Bản và chính sách đối ngoại của Nhật Bản luôn phù hợp với chiến lược toàn cầu của Mỹ. Điều này luôn được thể hiện rõ trong sách xanh⁽¹⁾ của Nhật Bản xuất bản hàng năm: “Mối quan hệ hợp tác hữu nghị với Mỹ dựa trên “Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ” là trục chính của ngoại giao Nhật Bản, sự hợp tác này được thực hiện trong các lĩnh vực mà trước hết là trong lĩnh vực chính trị, kinh tế,

⁽¹⁾ Sách xanh ngoại giao (Gaiko Aoshō) do Bộ Ngoại giao Nhật Bản phát hành. Công khai trực tuyến tại: <http://www.mofa.go.jp/mofaj/bluebook/index>.

quân sự. Mỹ là đối tác quan trọng của Nhật Bản”.

Nhật Bản đứng về phía Mỹ trong Chiến tranh Lạnh, nhưng chẳng mấy nòng nhiệt với những tư tưởng gây nên cuộc chiến tranh đó và viện “Hiến pháp hòa bình” để từ chối tham gia vào các cuộc xung đột hay chạy đua vũ trang. Thủ tướng Yoshida Shigeru đã nhiều lần từ chối yêu cầu của Mỹ đòi Nhật tăng chi tiêu quân sự. Nhờ đường lối này, Nhật Bản đã có được sự tăng trưởng kinh tế “thần kỳ”.

Tuy nhiên, đường lối Yoshida bị đánh giá là đã tồn tại “bảy không”, và theo quan điểm của Ozawa Ichiro, lãnh tụ Đảng Dân chủ, Nhật Bản phải giải quyết bằng con đường “bình thường hóa”. Bảy “không” đó gồm: (i) không triển khai quân đội Nhật ra nước ngoài, (ii) không tham gia vào các khối an ninh tập thể, (iii) không phát triển khả năng triển khai sức mạnh quân sự, (iv) không trang bị hạt nhân, (v) không xuất khẩu vũ khí hoặc các công nghệ liên quan tới quân sự, (vi) không chi quá 1% GNP dành cho quốc phòng, (vii) không sử dụng khoảng không cho mục đích quân sự.⁽²⁾

“Bảy không” này đã khiến Nhật Bản tự khép lại thể chủ động trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Những người phê phán tính chất “bất bình thường” của Nhật Bản cho rằng với vai trò và trách nhiệm là một cường quốc kinh tế, Nhật Bản phải từng bước tháo gỡ “vòng kim cô” sau Chiến tranh thế giới thứ hai này để trở thành một “quốc gia bình thường”.

II. Quá trình “bình thường hóa” Nhật Bản

“Bình thường hóa” Nhật Bản không được định nghĩa chính thức và ít khi được định nghĩa rõ ràng. Tuy nhiên, có thể dẫn lời của Ozawa Ichiro, một trong những chính trị gia Nhật Bản hàng hải nhất trong việc đòi “bình thường hóa” quốc gia này và là người đầu tiên nêu ra khái niệm này hồi đầu thập niên 1990. Trong cuốn sách của mình xuất bản năm 1993 với tiêu đề *Kế hoạch cải tạo Nhật Bản (Nihon kaizo keikaku)*, Ozawa viết: “Vậy thì, phải làm gì để thật sự trở thành một quốc gia quốc tế? Chẳng phải nghĩ ngợi phức tạp. Phải trở thành một nước bình thường (*futsu no kuni ni narukoto dearu*).” Như vậy, theo Ozawa, một “nước bình thường” sẽ thể hiện ở tinh thần tự chủ, hay nói cách khác đi tìm con đường để Nhật Bản trở thành một nước lớn tự chủ là bản chất của chiến lược “nước bình thường”.

Ozawa còn viết rằng có hai điều kiện cần để trở thành “nước bình thường”. Thứ nhất là sẵn sàng (*tozen ni*) chấp nhận những vai trò và sứ mệnh mà cộng đồng quốc tế mong muốn quốc gia đó gánh vác. Nhật Bản không nên ngoan cố bám lấy những cách thức chỉ thông dụng trong xã hội Nhật Bản. Cũng không nên cảm thấy bất đắc dĩ phải hành động hay đổ cho áp lực quốc tế mỗi khi quyết định gánh vác những trách nhiệm khó khăn về chính trị.”⁽³⁾

Theo Ozawa, tư thế chủ động hơn, quyết đoán hơn thể hiện trước hết ở tham gia tích cực hơn của Nhật Bản trong các công việc quốc tế, không chỉ dừng lại ở đóng góp về

⁽²⁾ Xem phần: “Những ngộ giải về Đường lối Yoshida” trong cuốn: “Nihon Kaizo keikaku của” Ozawa Ichiro, nxb. Kodansha, 1993.

⁽³⁾ Ozawa Ichiro, *Nihon kozo keikaku (Kế hoạch cải tạo Nhật Bản)*, Kodansha, Tokyo, 1993, pp. 102-105.

kinh tế mà còn phải đóng góp cho an ninh quốc tế.

Như vậy, “bình thường hóa” Nhật Bản, nếu nhìn từ góc độ quân sự, là đưa Nhật Bản thành *một nước không chỉ hùng mạnh cả về kinh tế mà còn mạnh cả về quốc phòng, an ninh* để đạt được tiếng nói trên trường quốc tế.

1. Đường lối Kishi

Đường lối Yoshida bị phê phán là đã làm cho Nhật Bản tự trời mình. Đã có một nhóm chính trị gia do Kishi Nobosuke (1896-1987, ông ngoại của Thủ tướng nhiệm kỳ thứ 90 Abe Shinzo) làm thủ lĩnh - đôi khi bị gọi là “phái chống Yoshida” hoặc nhóm “chính trị Nhật Bản độc lập” - chủ trương đưa Nhật Bản thoát khỏi thể chế mà Nhật Bản phải mang sau chiến tranh. Đường lối của phái này nhấn mạnh: (i) sửa đổi hiến pháp; (ii) tái vũ trang quân sự; và (iii) thực hành nền ngoại giao tự chủ. Kishi cùng với Hatoyama Ichiro (Thủ tướng Nhật Bản các nhiệm kỳ 52, 53 và 54, ông nội của Thủ tướng nhiệm kỳ 93 Hatoyama Yukio) là một trong những người đề xướng Thuyết phục hồi hiến pháp (*Fukukoteki kaikenron*), kêu gọi sửa đổi hiến pháp 1946 theo hướng quay về gần giống hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản trước đây. Ngay cả sau khi gia nhập Đảng Dân chủ Tự do của Yoshida, Kishi vẫn còn giữ phần nào chủ trương này.

Khi làm Thủ tướng Nhật Bản nhiệm kỳ 56 và 57 từ tháng 1/1957 đến tháng 6/1960, Kishi đã có những hành động ngoại giao để làm tăng vị thế của Nhật Bản, như đưa Nhật Bản làm thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, bồi thường chiến tranh cho Indonesia, ký hiệp

định thương mại ưu đãi lẫn nhau với Australia, ký các hiệp định hòa bình với Tiệp Khắc và Ba Lan, bắt đầu cung cấp ODA cho một số quốc gia khác mà đầu tiên là cho Ấn Độ.

Thuyết phục hồi hiến pháp còn tiếp tục ảnh hưởng tới nền chính trị Nhật Bản cho đến tận ngày nay.

2. Đường lối Fukuda

Sau hai thập kỷ tăng trưởng nhanh, Nhật Bản đã trở thành một nước công nghiệp phát triển. Năm 1964, Nhật Bản trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - một câu lạc bộ của các nước tiên tiến. Năm 1970, Nhật Bản tổ chức thành công Thế vận hội mùa hè Tokyo. Năm 1975, Nhật Bản là quốc gia đồng sáng lập G6 - tiền thân của G7 và sau này là G8. Những điều này thể hiện Nhật Bản đã trở thành một cường quốc kinh tế. Từ khi đó, Nhật Bản đã có những đóng góp không nhỏ về tài chính và kỹ thuật vào các thể chế toàn cầu như Liên Hợp Quốc, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Nhóm Ngân hàng Thế giới và khu vực như Ngân hàng Phát triển Châu Á. Tính chất “bất bình thường” của Nhật Bản lúc này thể hiện càng rõ. Tuy là cường quốc kinh tế, nhưng Nhật Bản thiếu tự chủ trong nhiều hoạt động quốc tế. Nhu cầu “bình thường hóa” Nhật Bản xuất hiện.

Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với ASEAN là việc Thủ tướng Nhật Fukuda Takeo (1905-1995, cha của Thủ tướng nhiệm kỳ thứ 91 Fukuda Yasuo) tháng 8/1977 đã tham gia Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ hai tại Kuala Lumpur (Malaysia). Đặc biệt, tại Hội nghị Bộ trưởng

Ngoại giao ASEAN ngày 18/8/1977 diễn ra ở Manila – thủ đô của Philippines, Thủ tướng Fukuda đã trình bày những nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho việc hoạch định đường lối đối ngoại trong tương lai của Nhật (thường được gọi là “Đường lối Fukuda”).

1. *Nhật Bản không trở thành cường quốc quân sự và quyết tâm đóng góp cho hòa bình, thịnh vượng ở Đông Nam Á.*

2. *Nỗ lực củng cố quan hệ tin cậy về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với các nước trong khu vực.*

3. *Nhật Bản hợp tác bình đẳng với ASEAN để góp phần vào việc giữ gìn hòa bình và thịnh vượng Đông Nam Á⁽⁴⁾*

Từ một đất nước bị tàn phá nặng nề và thua trận sau chiến tranh thế giới thứ hai, bước vào thập niên 1970, Nhật Bản đã trở thành một siêu cường kinh tế đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ), uy tín của Nhật Bản được nâng cao trên thế giới. Tuy nhiên, muốn vươn lên để có địa vị chính trị tương xứng với vị trí kinh tế của mình, chính phủ Nhật Bản phải có một chính sách đối ngoại độc lập hơn nữa với Mỹ. Học thuyết Fukuda ra đời đã thể hiện rõ tham vọng đó của Nhật, đồng thời là đối sách Đông Nam Á lâu dài trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

Đường lối Fukuda khẳng định Nhật Bản mãi mãi là quốc gia hòa bình, Nhật Bản thúc đẩy ổn định, hợp tác trong khu vực, tìm cách xây dựng mối quan hệ hợp tác với Đông Dương, tăng cường đoàn kết với các nước ASEAN. Điểm then chốt của chính sách này là ở chỗ Nhật Bản mong muốn là cầu nối

chính trị giữa nhóm nước ASEAN và Đông Dương, tìm giải pháp hòa giải cho an ninh khu vực Đông Nam Á, qua đó làm nổi bật vai trò và ảnh hưởng của Nhật Bản trong khu vực bằng cách dựa vào sức mạnh kinh tế – tài chính. Mặc dù đường lối này có nội dung hòa bình nhưng trên thực tế Nhật Bản vẫn duy trì ngân sách quân sự ở mức dưới 1% tổng sản phẩm quốc dân (GDP). Với ngân sách khoảng 50 tỉ USD/năm (kể cả chi phí cho quân đội Mỹ ở Nhật Bản), chi phí quân sự của Nhật Bản đã đứng hàng thứ ba sau Mỹ và Liên Xô. Vào thời điểm Đường lối Fukuda được tuyên bố, “Lực lượng Phòng vệ” Nhật Bản đã trở thành một quân đội có sức mạnh đáng kể với 266.000 người (chủ yếu là sĩ quan và hạ sĩ quan), 1.230 xe tăng và xe tự hành, 2.800 xe dã chiến, 310 bãi phóng tên lửa, 15 tàu ngầm và 44 tàu các loại, 1.399 máy bay các loại, trong đó 482 phi cơ chiến đấu. Với một quân số được trang bị hùng hậu như vậy, rõ ràng trình độ tác chiến của quân Nhật vượt rất xa quân đội các nước ASEAN.

Đường lối Fukuda cho thấy người Nhật muốn tăng cường sự hiện diện của mình ở khu vực Đông Á, muốn đóng một vai trò lớn hơn trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á bằng cách dựa vào tiềm lực kinh tế.

Tóm lại, quá trình “bình thường hóa” Nhật Bản với Đường lối Fukuda đã thực hiện được sự tự chủ về ngoại giao. Trên bình diện quốc tế rộng hơn, Nhật Bản chủ trương thực hiện nền ngoại giao tự chủ hơn mà Kishi theo đuổi với việc cấp ODA cho các nước và với việc Nhật Bản tham gia Hội

(4) Bộ Ngoại giao Nhật Bản, Fukuda Doctrine. <http://aid.asean.or.jp/eng/asean10/fukuda.html>. Truy cập ngày 12/11/2010.

đồng Bảo an với tư cách thành viên không thường trực.

Bảng 1: Xếp hạng số lần tham dự Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với tư cách thành viên không thường trực từ năm 1956-2009

Thứ tự	Quốc gia	Số lần
1	Nhật Bản	10
2	Argentina	7
3	Brazil, Italy	6
5	Ấn Độ, Canada, Pakistan	5
8	Philippines, Ba Lan, Đức, Romania, Tây Ban Nha, Colombia, Panama, Peru, Venezuela	4

Nguồn: Website của Bộ Ngoại giao Nhật Bản <http://www.mofa.go.jp/policy/un/pamph0704.pdf>.

Với mong muốn củng cố vị thế và có tiếng nói quyết định trên trường quốc tế, Nhật Bản vẫn không ngừng theo đuổi mục tiêu trở thành thành viên thường trực, có quyền phủ quyết trong Hội đồng Bảo an. Tuy nhiên, giới chính trị Nhật Bản và cả nhiều học giả chính trị Nhật Bản và quốc tế cho rằng, Nhật Bản chưa thể đủ tiêu chuẩn để trở thành thành viên thường trực của cơ quan đầy quyền lực nói trên, nếu vai trò quân sự của Nhật Bản không có gì tiến triển. Trong các nước thành viên thường trực hiện tại, không có nước nào, kể cả Trung Quốc, có sức mạnh quân sự yếu kém và bị hạn chế đưa quân đội ra nước ngoài hay tham gia chiến tranh.

3. Tăng cường vai trò quân sự

“Vấn đề Campuchia” trở thành vấn đề gây tranh cãi ở khu vực trong thập niên 1980. Nhưng nó mở ra cơ hội cho Nhật Bản “bình thường hóa” bằng cách tăng cường vai trò quân sự. Sự góp mặt của Nhật Bản, thông qua việc triển khai một nhóm nhân viên thuộc Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản tới Campuchia năm 1992 dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc đã trở thành bước đột phá trong nỗ lực của Nhật Bản, mở màn cho sự tham gia của Nhật Bản vào việc giữ gìn hòa

bình và an ninh quốc tế trong các vai trò hậu cần và phi quân sự. Đồng thời, với hành động này, chính sách không cử Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (SDF) ra nước ngoài (được tuyên bố khi lực lượng này được thành lập năm 1954) lần đầu tiên bị phá vỡ, Nhật Bản bước đầu thoát ra khỏi “cái bóng” của Mỹ.

Thực ra, ngay trước đó, năm 1991, mặc dù không phái quân đội đi, nhưng Nhật Bản đã đóng góp không nhỏ về tài chính cho liên quân do Mỹ đứng đầu trong Chiến tranh vùng Vịnh. Nhật Bản còn gửi tàu chiến tiếp nhiên liệu tới giúp Mỹ.

Trong chính trường Nhật Bản, Ozawa - lúc đó là Chủ tịch Ủy ban đặc biệt về Vai trò của Nhật Bản trong cộng đồng quốc tế của Đảng Dân chủ Tự do (đảng cầm quyền lúc đó) - là người đầu tiên đưa ra khái niệm một nước Nhật “bình thường”.⁽⁵⁾ Ozawa cho rằng có thể làm cho Nhật Bản trở thành một nước bình thường bằng cách trước tiên là cho phép phái quân đội ra nước ngoài tham gia

⁽⁵⁾ Xem Tadae Takubo và Ichiro Ozawa, “Hoshu seiji no shissei o tadasu” (Sửa chữa những khuyết điểm trong lãnh đạo của nền chính trị bảo thủ), *Voice*, số tháng 3/1992 và Ichiro Ozawa, *Nihon Kaizou Keikaku* (Kế hoạch cải tạo Nhật Bản), Nhà xuất bản Kodansha, Tokyo, 1993.

vào các hoạt động giữ gìn hòa bình trong khuôn khổ của Liên Hợp Quốc và để hợp pháp hóa điều đó thì cần bổ sung vào hiến pháp một điều khoản cho phép hoạt động trên. Ozawa mau chóng trở thành lãnh tụ của thể lực đòi sửa đổi hiến pháp. Tư tưởng này của ông còn tiếp tục ảnh hưởng tới Đảng Dân chủ Tự do. Và sau này, khi ông trở thành thành viên của ban lãnh đạo Đảng Dân chủ Nhật Bản, ông lại tiếp tục có ảnh hưởng tới đảng này.

Trong thập niên 1990 và 2000, phái bảo thủ chính thống (Hoshu honryu, vốn do Yoshida Shigeru và Hatoyama Ichiro lập ra) trong Đảng Dân chủ Tự do bị suy yếu rồi chia thành các phái nhỏ. Đến năm 2001, Koizumi Junichiro lên làm Thủ tướng suốt ba nhiệm kỳ 87, 88 và 89. Từ đó, thể lực của phái Seiwakai (do Fukuda Takeo lập ra) trong Đảng Dân chủ Tự do gồm nhiều thành viên theo thuyết phục hồi hiến pháp tăng lên đáng kể. Bản thân Koizumi cũng xuất thân từ nhóm này.

Koizumi là người đã nhiều lần đến viếng Đền Yasukuni bất chấp sự phản đối quyết liệt của Hàn Quốc, Trung Quốc và một bộ phận dân chúng Nhật Bản. Về quân sự, Koizumi đã cho mở rộng lực lượng, đưa quân đội ra nước ngoài. Cụ thể, tháng 12/2001, Koizumi đã gửi 5 tàu tiếp nhiên liệu hải quân tới Ấn Độ Dương để trợ giúp quân đồng minh trong Chiến tranh Afghanistan. Ngày 30/12/2003, Nhật Bản thậm chí đã đưa 150 quân lính và 4 máy bay vận tải C130 sang Iraq, chính thức bước ra khỏi "vòng kim cô" của thất bại trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai để bước vào con đường của một "nước bình thường". Koizumi khẳng định đây là lần đầu tiên quân đội của Nhật Bản được gửi đi trong thời gian chiến tranh. Các lực lượng hậu cần của Nhật

Bản vẫn tiếp tục có mặt ở Ấn Độ Dương cho đến tận ngày 15/1/2010.

Dùng một hành động đặc biệt để trở thành "bình thường", nghe qua xem chừng có phần nghịch lý và mâu thuẫn, nhưng lại rất đúng trong trường hợp Nhật Bản. Đây là lần đầu tiên kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản đưa đông đảo quân đội đến như vậy tới một vùng vẫn còn xảy ra chiến sự.

Koizumi cũng từng đề cập đến việc sửa đổi Hiến pháp. Trong thời gian Koizumi cầm quyền, Nhật Bản đã phóng vệ tinh tình báo lên quỹ đạo trái đất, tấn công tàu ngầm tình báo của CHDCND Triều Tiên xâm nhập lãnh hải của Nhật Bản. Koizumi còn tuyên bố Nhật Bản sẵn sàng đương đầu với tàu chiến Trung Quốc ở vùng biển mà cả hai nước cùng tuyên bố chủ quyền.⁽⁶⁾

Nhật Bản đã dựa vào liên minh Nhật - Mỹ để mở rộng không gian hoạt động quân sự của mình. Báo cáo "Nghiên cứu chiến lược phòng vệ" công bố tháng 6/2001 đã xác định, trong vòng 20 năm tới cần tiếp tục giữ vững, củng cố và điều chỉnh cơ chế bảo đảm an ninh Nhật - Mỹ. Chính phủ Nhật Bản đang dựa vào "phương châm chỉ đạo hợp tác an ninh Mỹ - Nhật" để xây dựng một cơ chế hợp tác thời chiến giữa hai nước.

Ngày 30/11/2006, với số phiếu cao, Hạ viện Nhật Bản đã thông qua các dự luật liên quan và từ tháng 1/2007, nâng cấp "Cục phòng vệ" thành Bộ Quốc phòng, cơ quan phòng vệ luôn chịu sự hạn chế nghiêm ngặt kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai sẽ trở thành đơn vị "cấp bộ" trực thuộc quốc gia như nhiều nước trên thế giới. Đây được đánh giá là sự kiện lớn trong lĩnh vực quân sự của Nhật Bản. Sau khi nâng cấp thành Bộ Quốc phòng, vị trí và khả năng hoạt động của Lực

⁽⁶⁾ The Christian Science Monitor, "Japan's leap to be a 'normal' nation," 13/9/2005.

lượng Phòng vệ sẽ được tăng cường trên nhiều mặt. Thứ nhất, lực lượng này có thể ngồi ngang hàng với các bộ khác, giúp Nhật Bản mạnh tay theo đuổi địa vị cường quốc quân sự. Thứ hai, nó có quyền lực tự chủ hơn trong các hoạt động ở nước ngoài, có thể tránh khỏi các trình tự của Quốc hội, trực tiếp yêu cầu Nội các đưa ra quyết định hoạt động ở nước ngoài. Thứ ba, bộ có thể nộp ngân sách quốc phòng cho Bộ Tài chính. Vì vậy, có thể coi 2006 là năm có những thay đổi quan trọng trong giấc mộng cường quốc quân sự của Nhật Bản, Nhật Bản cũng đang bước nhanh tới một cực quân sự thế giới, mang tính tiến công và chủ động hơn.

Ngày 20/6/2009, Nhật Bản sắp xếp biên chế nhân viên quốc phòng, trang thiết bị quân sự và khả năng phòng thủ chống tên lửa để chủ động đối phó hiệu quả với tình hình thế giới và khu vực đang có nhiều thay đổi.

Không chỉ chưa hài lòng vì sự chênh lệch giữa vị thế kinh tế và vị thế ngoại giao, Nhật Bản còn gặp phải những thách thức về an ninh từ phía CHDCND Triều Tiên và Trung Quốc. Hai quốc gia này không ngừng tăng cường sức mạnh quân sự, nhất là tiềm lực hải quân và tên lửa.

Là một nền kinh tế không lồ tăng trưởng rất nhanh trong suốt một thời gian dài, chi tiêu cho quốc phòng của Trung Quốc cũng nhờ đó gia tăng, cho phép hải lực không quân Trung Quốc có nhiều vũ khí hiện đại hơn. Quân đội Trung Quốc cũng có nhiều hành động biểu dương sức mạnh mới của mình như phóng thử tên lửa trên biển Hoa Đông, tập trận quy mô lớn trên biển, v.v... Giữa Nhật Bản và Trung Quốc còn có nhiều tranh chấp và bất đồng về các vấn đề lịch sử, lãnh thổ, cạnh tranh các tài nguyên biển, vấn đề Đài Loan,... khiến Nhật Bản không thể không thức tỉnh để quan sát, nhận định và

tim cho mình một hướng đi để đối phó với những thách thức an ninh từ phía Trung Quốc. Những điều đó kích thích Nhật Bản phải gia tăng tiềm lực quân sự của mình. Mới đây, Nhật Bản đã lên kế hoạch trang bị thêm 6 tàu ngầm cho lực lượng hải quân của mình.⁽⁷⁾

Nhật Bản rất quan ngại đến vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên. Trước năm 1990, Nhật Bản chưa bao giờ cảm thấy bị người láng giềng Bắc Triều Tiên đe dọa trực tiếp, chính vì vậy Nhật Bản thực sự “sốc” khi khủng hoảng bán đảo Triều Tiên lần thứ nhất nổ ra, với khả năng Triều Tiên có thể phóng tên lửa Rodong tới thành phố Osaka của Nhật Bản và đe dọa rút ra khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, sự kiện này cho thấy mối đe dọa không phải ở đâu xa mà ngay tại cửa ngõ nhà mình.

Ngày 31/8/1998, Triều Tiên liên tiếp phóng tên lửa qua Biển Nhật Bản. Sự kiện này càng làm tăng thêm mối e ngại của người dân Nhật Bản. Hơn thế nữa, trong hai năm 1999 và 2001, tàu ngầm của Triều Tiên đã xâm nhập vào hải phận Nhật Bản, đụng độ đã xảy ra khi Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản truy đuổi một chiếc tàu của Triều Tiên bị nghi là thu thập thông tin tình báo. Trước việc lãnh hải bị xâm phạm, Chính phủ Nhật Bản lần đầu tiên ra lệnh cho hải quân sẵn sàng dùng vũ khí khi cần thiết.⁽⁸⁾

Việc tuyên bố rút khỏi Hiệp ước đình chiến ngày 27/5/2009, rồi ngay sau đó thử tên lửa (Triều Tiên ngày 4/7/2009 đã bắn 7 quả tên lửa về phía Biển Nhật Bản); tiếp đến là đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân, tất cả đều là mối đe dọa trực tiếp khiến Nhật Bản phải tăng cường sức mạnh quân sự để đảm bảo

⁽⁷⁾ *The Mainichi Daily News*, “Japan to expand submarine fleet to 22 units from 16,” 21/10/2010.

⁽⁸⁾ *The Japan Times Online*, “Japan’s war machine that isn’t,” 20/6/2004.

năng lực quốc phòng của mình, cụ thể là đẩy nhanh các kế hoạch phòng thủ tên lửa với Mỹ. Cho dù Hiến pháp “chủ hòa” của Nhật Bản nghiêm cấm mọi vũ khí tấn công, nhưng trước tình hình bất ổn và các mối đe dọa đến từ Bắc Triều Tiên, đứng trước những yêu cầu của toàn cầu hóa, sự nổi lên của chủ nghĩa khủng bố trên toàn cầu, trước sức mạnh ngày càng gia tăng và hành vi ngày càng cứng rắn của các nước láng giềng, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, Nhật Bản đã liên tục tăng cường sức mạnh quân sự và trở thành một chủ thể tích cực hơn nền trong nền chính trị quốc tế.

Việc Nhật Bản chuyển hướng có tác động hết sức to lớn đối với liên minh với Mỹ cũng như đối với cân bằng quyền lực trong khu vực. Gần như suốt trong Chiến tranh Lạnh, hầu như không có sự hợp tác nào giữa quân đội Mỹ đóng ở Nhật Bản và Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản: không liên kết, không chỉ huy chung, không trao đổi thông tin, và hết sức hạn chế tham vấn. Tuy nhiên, bắt đầu từ cuối những năm 1990, hợp tác quân sự với quân đội Mỹ đã dần dần được tăng cường theo nhiều cách khác nhau, thông qua việc Nhật Bản tiến hành xem xét lại các học thuyết, đường lối quốc phòng và việc thông qua các điều luật kèm theo.

4. Thể hiện vai trò lãnh đạo khu vực

Từ giữa những năm 1980, nhất là từ những năm 1990, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, dễ thích ứng với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập vào thế giới và khu vực, trên phương diện đối ngoại, quá trình quốc tế hóa của Nhật Bản có thể được thể hiện ở các điểm chính yếu sau đây:

Thứ nhất, từng bước tham gia sâu rộng hơn vào các vấn đề quốc tế, đáp ứng đòi hỏi của các nước yêu cầu Nhật Bản phải có trách nhiệm và chia sẻ nghĩa vụ đối với các vấn đề quốc tế và khu vực.

Thứ hai, Nhật Bản đã tích cực viện trợ (ODA) nhằm giúp các nước đang phát triển giải quyết các vấn đề của mình và đã tiến hành điều chỉnh chính sách viện trợ. Cụ thể:

+ Trước sự chỉ trích của công luận trong và ngoài nước cho rằng Nhật Bản thiếu một triết lý nhất quán, ngoài mục đích vì lợi ích của mình, Nhật Bản thường dùng viện trợ làm công cụ để thúc đẩy xuất khẩu, để tận dụng các khoản dư thừa buôn bán, làm “dầu bôi trơn” để đưa các công ty Nhật thâm nhập vào các nước đang phát triển, từ cuối những năm 1980, Nhật Bản đã điều chỉnh chính sách viện trợ của mình từ chỗ tập trung chủ yếu cho các công trình quy mô lớn thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật (phần cứng), như đường sá, cầu cống,... thường dễ mang lại lợi ích kinh tế cho các công ty Nhật Bản, sang các dự án thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (phần mềm), hay đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người, như phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, cải cách hành chính, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo vệ môi trường,...⁽⁹⁾;

+ Mặc dù các nước đang phát triển châu Á vẫn giữ vị trí quan trọng, song Nhật Bản cũng mở rộng dần viện trợ sang cả các nước châu Phi, Trung Đông và Đông Âu;

+ Nhật Bản đã cải tổ bộ máy quản lý và cung cách đầu thầu các dự án viện trợ theo hướng mở, công khai và minh bạch, với sự tham gia rộng rãi của các chuyên gia và các tổ chức phi chính phủ (NGO), nhằm đảm bảo cho các dự án được thực hiện một cách có hiệu quả, tránh lãng phí, phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các nước nhận.

⁽⁹⁾ Võ Đại Lực (chủ biên), “Bối cảnh quốc tế và xu hướng điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế ở một số nước lớn”, tr. 133-216, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

Bảng 2: Viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản cho thế giới

Đơn vị: Tỷ Yên

<i>Khu vực</i>	<i>1997</i>	<i>1998</i>	<i>1999</i>	<i>2000</i>	<i>2001</i>	<i>2002</i>	<i>2003</i>	<i>2004</i>
<i>Châu Á</i>	3075,60	5372,03	6630,58	5283,82	4220,48	4.085,56	3226,09	2544,56
<i>Trung Đông</i>	512,92	392,03	544,15	727,46	287,19	208,81	461,48	1030,87
<i>Châu Phi</i>	802,82	950,29	944,63	968,98	851,33	583,75	529,98	646,97
<i>Mỹ Latinh</i>	715,03	552,86	814,21	799,58	738,21	592,41	463,87	309,30
<i>Châu Đại dương</i>	159,03	147,17	138,23	151,06	101,50	93,47	52,14	42,15
<i>Châu Âu</i>	133,76	143,53	151,12	117,57	116,10	119,55	215,47	140,69
<i>Không xác định</i>	1213,43	1048,00	1224,63	1591,64	1137,22	1.042,37	1.109,61	1239,56
<i>Tổng</i>	6612,59	8605,90	10497,56	9640,10	7452,04	6725,91	6013,65	5954,10

Nguồn: Website của Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Bên cạnh đó, Nhật Bản còn thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của mình bằng cách không chỉ tham gia vào các khối thương mại và đầu tư đa phương mà còn tiến hành đàm phán, ký kết các hiệp ước mậu dịch tự do song phương với các nước khác nhau trên thế giới, trước hết là với các bạn hàng khu vực.

Nhật Bản cũng luôn tìm cách để có thể có được tiếng nói đại diện cho các nước láng giềng đang phát triển Châu Á trong các Hội nghị cấp cao G7, G20.

5. Vai trò của giới chính trị

Vai trò của các nhà lãnh đạo là nhân tố không thể thiếu trong việc quyết định đường hướng xây dựng đất nước Nhật Bản trong các thời kỳ khác nhau.

Yoshida Shigeru và những nhà lãnh đạo Nhật Bản sau đó cùng phái bảo thủ chính thống trong Đảng Dân chủ Tự do đã theo đuổi một chương trình nghị sự hòa bình, kiên trì theo đuổi chương 2 điều 9 Hiến pháp Nhật Bản. Các nhà lãnh đạo này đã nhận trách nhiệm cho phép Mỹ bảo vệ an ninh cho Nhật. Trong khi không ủng hộ tăng cường sức mạnh quân sự, các nhà lãnh đạo này đều đã ít nhiều nâng cao tính tự chủ của Nhật Bản trong đường lối ngoại giao.

Trong khi đó, Hatoyama Ichiro và Kishi Nobosuke cùng các nhà lãnh đạo theo phái “Chống Yoshida” là những người đã xây dựng thuyết sửa đổi hiến pháp để “cởi trói” cho Nhật Bản về quân sự, lấy việc nâng cao vị thế quân sự làm phương tiện đảm bảo quyền tự chủ toàn diện của Nhật Bản. Một

liên minh nghị sĩ xây dựng hiến pháp mới đã được thành lập ở Nhật Bản từ năm 1955 với sự tham gia của nhiều nghị sĩ từ các đảng khác nhau. Nhiều người trong liên minh này đã từng giữ các cương vị quan trọng trong chính phủ hoặc trong đảng. Vị thủ tướng theo đường lối dân tộc chủ nghĩa Nakasone Yasuhiro, cầm quyền suốt từ năm 1982 đến 1987, cũng đã chủ trương sửa đổi hiến pháp, đưa Nhật Bản hướng tới địa vị của một quốc gia bình thường trong khuôn khổ đối tác mạnh hơn với Mỹ, khơi dậy lòng yêu nước, tăng cường hợp tác quân sự với Mỹ và củng cố lực lượng phòng vệ. Hiện nay, Nakasone đang là Chủ tịch Liên minh nghị sĩ xây dựng hiến pháp mới của Nhật Bản.

Sau khi Nakasone thôi làm thủ tướng, có một sự kiện đáng chú ý, đó là vào năm 1989, Ishihara Shintaro (Bộ trưởng Giao thông vận tải của Nhật Bản khi đó và Thống đốc Tokyo hiện nay) cùng với Morita Akio (Chủ tịch tập đoàn Sony) cùng viết cuốn *Nhật Bản có thể nói "Không"* ("*No*" to *ieru Nihon*). Trong cuốn này, các tác giả đã cổ vũ Nhật Bản có một "lập trường độc lập" với Hoa Kỳ, không chỉ trong kinh tế mà cả trong ngoại giao.

Những năm 1990 là thời kỳ có nhiều thay đổi trên chính trường Nhật Bản, trước hết thể hiện ở các nhà lãnh đạo trẻ ít dính líu đến chiến tranh, thể hiện rõ nhất là tư tưởng của Ozawa Ichiro, ông đưa ra quan điểm "quốc gia bình thường", Nhật Bản cần theo đuổi chính sách quốc phòng an ninh sao cho tương xứng với sức mạnh kinh tế của mình.

Nỗ lực này cũng được Thủ tướng Koizumi triển khai trên hai hướng chính: (i) Thất chặt liên minh với Mỹ. (ii) Xây dựng Lực lượng Phòng vệ vững mạnh. Ông đã thất chặt hơn nữa quan hệ với Mỹ hơn bất kỳ người tiền nhiệm nào, tuy nhiên, sau 5 năm lên nắm quyền, năm 2006, ông đã từ chức. Nhật Bản kể từ đó đến nay, trải qua 4 năm mà đã có đến 6 vị thủ tướng, người đang nắm giữ chức vụ Thủ tướng hiện tại là ông Naoto Kan. Thời kỳ từ khi Koizumi lên cầm quyền cũng là thời kỳ mà hoạt động của Liên minh nghị sĩ xây dựng hiến pháp mới trở lại sôi nổi. Trong số các nhà lãnh đạo sau Koizumi, có Abe Shinzo, Fukuda Yasuo, Hatoyama Yukio đều là hoặc từng là thành viên của liên minh này. đương kim Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đang là Phó Chủ tịch của Liên minh.

Kết luận

Như vậy, ngay sau khi trở thành một "nước không bình thường", Nhật Bản đã tìm cách trở lại làm "nước bình thường". Điều này càng trở thành một đòi hỏi mạnh hơn khi Nhật Bản trở thành một cường quốc kinh tế, nhưng lại không có sự tự chủ tương xứng trong đường lối ngoại giao, và phải chịu những hạn chế khiến quốc gia này không thể triển khai các hoạt động quân sự như nhiều quốc gia khác. Khó có thể tiên đoán được quá trình chuyển đổi chính sách và thể chế để trở thành một quốc gia "bình thường" của Nhật Bản sẽ diễn ra nhanh hay chậm. Người ta không thể nói trước được điều gì sẽ xảy ra trong quá trình này, nếu nhìn vào sự chuyển

biến dần dần như hiện nay. Điều đó phụ thuộc vào nhiều nhân tố, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, Nhật Bản đang đứng trước ngưỡng cửa của một kỷ nguyên mới trong quan hệ với thế giới bên ngoài.

Nhìn toàn cục, ở chừng mực nhất định, với việc tăng cường tham gia vào các liên minh quân sự và an ninh, vai trò quốc tế của Nhật Bản đã được cải thiện hơn; Nhật Bản đã sẵn sàng đảm nhận vai trò rất tích cực trong việc duy trì sự ổn định và thịnh vượng, vị thế của Nhật Bản đã được coi trọng hơn trong một số tổ chức quốc tế và khu vực như WTO, APEC, ARF, ASEM, UNHCR, G7, ADB, PKO... Trên thực tế, có nhiều thế lực tỏ ra không đồng tình với vai trò lớn hơn của Nhật Bản, nhưng quả thực là Nhật Bản có nhu cầu có vai trò to lớn hơn, đặc biệt trong những vấn đề kinh tế và các vấn đề toàn cầu vì có ưu thế về tài chính.

Mặc dù vẫn lấy quan hệ Nhật - Mỹ làm nền tảng chính sách đối ngoại, song hiện nay Nhật Bản đã tăng cường chiến lược "Trở lại Châu Á", lấy Châu Á làm bàn đạp để từng bước đưa Nhật Bản trở thành cường quốc về chính trị; thúc đẩy cải cách Liên Hợp Quốc, thực hiện mục tiêu trở thành thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc thông qua các đề nghị, các đóng góp cụ thể trong các lĩnh vực an ninh, kinh tế và các vấn đề toàn cầu.

Nhật Bản là một cường quốc về kinh tế, vì vậy việc Nhật Bản mong muốn xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh tương xứng với tiềm năng kinh tế để nhằm “bình

thường hóa” đất nước, tăng cường tính tự chủ dân tộc và tiếng nói lớn mạnh trên trường quốc tế là điều dễ hiểu, nhưng *con đường* này sẽ gặp một số những trở ngại không nhỏ.

+ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Nhật chỉ sử dụng 1% GDP cho Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản. Để xây dựng lực lượng này lớn mạnh hơn, Nhật Bản sẽ phải dùng một khoản ngân sách khổng lồ, điều này sẽ làm giảm tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản - hiện đang rất khó khăn, tỉ lệ thất nghiệp có thể tăng, đây là một thách thức cho giới lãnh đạo và nhân dân Nhật Bản.

+ Việc Nhật Bản muốn “bình thường hóa” sẽ vấp phải những trở ngại từ phía Trung Quốc. Nhật Bản từng xâm lược Trung Quốc trong khoảng thời gian gần tám năm và phía Trung Quốc luôn lưu ý Nhật Bản không được quên điều này. Bất cứ hành động nào “cởi trói” cho quân sự Nhật Bản đều có thể khiến Trung Quốc hiểu là Nhật Bản đang trở lại chủ nghĩa quân phiệt. Thêm vào đó, Trung Quốc đang ra sức phấn đấu thành nước lãnh đạo khu vực. Những hành động làm gia tăng năng lực cạnh tranh của Nhật trong việc lãnh đạo khu vực có thể không làm Trung Quốc hài lòng.

Dù thế nào, nước Nhật từ một cường quốc về kinh tế nhưng lại bị hạn chế về quân sự - an ninh, đã ngày càng lớn mạnh về cả hai phương diện. Cùng với việc vượt qua điều cấm kỵ lâu nay này, nước Nhật hiện đang đi những bước cuối cùng ra khỏi bóng phủ của quá khứ vì tăng cường vai trò quân sự trên

phạm vi quốc tế đồng nghĩa với tái vũ trang, với việc tăng cường tham gia vào các liên minh quân sự và an ninh. Nhật Bản trong thời gian tới sẵn sàng đảm nhận vai trò rất tích cực trong việc duy trì sự ổn định và thịnh vượng, không còn đứng ngoài trách nhiệm phải có với hòa bình thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ichiro Ozawa, *Đường hướng vì một đất nước Nhật Bản mới*.
2. The National Diet of Japan – Website Chính thức của Thượng viện Nhật Bản.
3. Lưu Ngọc Trinh, *Kinh tế Nhật Bản: Những bước thăng trầm trong lịch sử*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1998.
4. Lưu Ngọc Trinh, *Trước thềm thế kỷ XXI - nhìn lại mô hình phát triển kinh tế Nhật Bản*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2001.
5. Lưu Ngọc Trinh, “Cải tổ cơ cấu kinh tế của Thủ tướng J. Koizumi”, *Nghiên cứu Kinh tế*, số 4/2003, tr. 63-71.
6. Dương Phú Hiệp (Chủ nhiệm), “*Điều chỉnh chính sách kinh tế của Nhật Bản*”, Đề tài cấp Bộ, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, Hà Nội, 2002.
7. Peter Van Ness, *Japan – the indispensable power in East Asia*, East Asia Forum.
8. Nakamura Takafusa, *Lectures on Modern Japanese Economic History, 1926-1994*, LTCB International Library Foundation, Tokyo, 1994.
9. Saburo Okita, *Các nền kinh tế đang phát triển và Nhật Bản: Những bài học về tăng*

trường, Nxb. Khoa học xã hội và Viện KTTG, 3 tập, Hà Nội, năm 1988.

10. Nguyễn Minh Phong, “*Kinh nghiệm Nhật Bản và các nước đang phát triển châu Á trong hội nhập kinh tế quốc tế*,” *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, Số 3 (77), 2002.

11. Shojiro Tokunaga, *Japan's Foreign Investment and Asian Economic Interdependence: Production, Trade, and Financial Systems*, University of Tokyo Press, 1992.

12. Yoshihara Kunio, *Kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.

13. Võ Đại Lược (chủ biên), *Bối cảnh quốc tế và xu hướng điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế ở một số nước lớn*, tr. 133-216, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.